

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **79/2023/DS-ST**  
Ngày: 01-8-2023  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Xuân Tùng

2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư  
ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:**

Bà Lê Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Vào ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 125/2023/TLST- DS ngày 14/4/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1986; Trú tại: Số H, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

Bị đơn:

+ Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1961; (Vắng mặt)

+ Bà **Mai Thị T1**, sinh năm 1966; (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Số A, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, biên bản làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:**

Ngày 21/3/2021, bà P có cho vợ chồng bà Mai Thị T1 và ông Nguyễn Văn T vay số tiền 1.000.000.000 đồng.

Ngày 21/9/2021, bà P có cho vợ chồng bà Mai Thị T1 và ông Nguyễn Văn T vay số tiền 520.000.000 đồng.

Ngày 02/10/2022, bà P có cho vợ chồng bà Mai Thị T1 và ông Nguyễn Văn T vay số tiền 60.000.000 đồng.

Ngày 11/10/2022, bà P có cho vợ chồng bà Mai Thị T1 và ông Nguyễn Văn T vay số tiền 40.000.000 đồng.

Việc mượn tiền đều dùng vào mục đích làm vốn nuôi tôm và kinh tế gia đình và đều có làm giấy vay tiền, có chữ ký của bà T1, ông T.

Bà P đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nợ nhưng bà T1 và ông T không trả nợ cho bà P.

Bà Lê Thị Phấn khởi kiện yêu cầu bà Mai Thị T1 và ông Nguyễn Văn T liên đới trả số tiền vay gốc là 1.620.000.000 đồng; tiền lãi tính từ ngày tòa án thụ lý cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi là 0,83%/tháng.

***Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt không có lời trình bày.***

***Tại biên bản làm việc ngày 14/7/2023, bị đơn bà Mai Thị T1 trình bày:***

Theo lời trình bày của bà Lê Thị P về việc bà T1 và ông Nguyễn Văn T có vay tiền của bà P nhiều lần là đúng, cụ thể:

Ngày 21/3/2021, có vay số tiền 1.000.000.000 đồng.

Ngày 21/9/2021, có vay số tiền 520.000.000 đồng.

Ngày 02/10/2022, có vay số tiền 60.000.000 đồng.

Ngày 11/10/2022, có vay số tiền 40.000.000 đồng.

Các lần mượn tiền đều dùng vào mục đích làm vốn nuôi tôm và kinh tế gia đình và đều có làm giấy vay tiền, có chữ ký của bà T1 và ông T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P thì bà T1 đồng ý liên đới trả số tiền vay gốc là 1.620.000.000 đồng; tiền lãi xin không trả lãi.

***Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre:***

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 và khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Mai Thị T1 và ông Nguyễn Văn T liên đới trả số tiền vay gốc là 1.620.000.000 đồng; tiền lãi tính từ ngày tòa án thụ lý cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Mai Thị T1 và ông Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn bà Mai Thị T1, ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị Phấn khởi kiện yêu cầu bà Mai Thị T1 và ông Nguyễn Văn T liên đới trả số tiền vay gốc là 1.620.000.000 đồng; tại phiên tòa, bà P có thay đổi yêu cầu về tiền lãi, tính lãi từ ngày tòa án thụ lý vụ án đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi là 0,83%/tháng.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Lê Thị P cung cấp 04 biên nhận mượn tiền viết tay vào các ngày 21/3/2021, 21/9/2021, 11/10/2022, 01/10/2022, có chữ ký của ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị T1. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý cùng hồ sơ khởi kiện (photo) của nguyên đơn cho bị đơn nhưng ông Nguyễn Văn T không đưa ra ý kiến phản hồi. Ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Điều này cho thấy ông T mặc nhiên thừa nhận việc mình còn nợ số tiền như nguyên đơn yêu cầu. Căn cứ biên bản xác minh ngày 02/6/2023 của TAND huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tại UBND xã A và Công an xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre thể hiện ông Nguyễn Văn T và Mai Thị T1 sống chung và cùng làm kinh tế chung tại số A, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. Tại biên bản làm việc ngày 14/7/2023, bà Mai Thị T1 thừa nhận có mượn số tiền như nguyên đơn trình bày, việc mượn tiền dùng vào mục đích làm vốn nuôi tôm và kinh tế gia đình, đồng ý liên đới với ông T trả số tiền nợ gốc cho nguyên đơn. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P, buộc bà Mai Thị T1 và ông Nguyễn Văn T liên đới trả cho bà Lê Thị P tổng số tiền vay vốn là 1.620.000.000 đồng. Về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày Tòa án thụ lý là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Tiền lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (ngày 14/4/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/8/2023) là 03 tháng 18 ngày, do đó tiền lãi bà Mai Thị T1 và ông Nguyễn Văn T liên đới chịu là  $(1.620.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng}) + (1.620.000.000 \text{ đồng} \times 0,028\%/\text{ngày} \times 18 \text{ ngày}) = 48.502.800 \text{ đồng}$ . Tổng cộng số tiền bà Mai Thị T1 và ông Nguyễn Văn T liên đới trả cho bà Lê Thị P là 1.668.502.800 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến yêu cầu về việc miễn án phí, do đó không xem xét việc miễn án phí cho ông Nguyễn Văn T. Bà Mai Thị T1 và ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu án phí theo quy định.

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị P.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ:*

- Điều 357; Điều 463; Điều 466; 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 227, Điều 228, Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P đối với bà Mai Thị T1 và ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Mai Thị T1 và ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho cho bà Lê Thị P số tiền nợ gốc là 1.620.000.000 (Một tỷ sáu trăm hai mươi triệu) đồng và tiền lãi là 48.502.800 (Bốn mươi tám triệu năm trăm lẻ hai nghìn tám trăm) đồng. Tổng cộng số tiền bà Mai Thị T1 và ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho cho bà Lê Thị P là 1.668.502.800 (Một tỷ sáu trăm sáu mươi tám triệu năm trăm lẻ hai nghìn tám trăm) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

**2.** Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Bà Mai Thị T1 và ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu là 62.055.000 (Sáu mươi hai triệu không trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

- Hoàn trả lại cho bà Lê Thị P số tiền tạm ứng án phí là 31.511.000 (Ba mươi một triệu năm trăm mười một nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002022 ngày 13/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

**3.** Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND X. An Điền;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Huỳnh Minh Hiền**